

Số: 13/2019/QĐST-HNGĐ

Hương Thủy, ngày 01 tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 89/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1988, địa chỉ: Số 30/55 đường T, phường T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Anh Trần Công T, sinh năm 1982, địa chỉ: Số 30/55 đường T, phường T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Công T và chị Nguyễn Thị Vân A đăng ký kết hôn ngày 14/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Q, tỉnh Q trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị A là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không tôn trọng nhau, không có hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài trong nhiều năm. Tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị A đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, việc thuận tình ly hôn giữa anh T và chị A là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T và chị A.

[2] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Công Trung và chị Nguyễn Thị Vân Anh 01 người con chung tên là: Trần Công Hoàng N, sinh ngày 09/5/2012. Anh T và chị A thống nhất giao cháu Trần Công Hoàng N cho chị A trực tiếp nuôi

dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi) và anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con một tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nam trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Sự thỏa thuận về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Anh Trần Công T và chị Nguyễn Thị Vân A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Công T và chị Nguyễn Thị Vân A thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Trần Công Hoàng N, sinh ngày 09/5/2012 cho chị Nguyễn Thị Vân A được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và anh Trần Công T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con một tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Hiện nay, cháu N đang sống với chị A và do chị A trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Trần Công T có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Vân A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Trần Công T không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng thì anh Trần Công T còn phải trả thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Anh Trần Công T và chị Nguyễn Thị Vân A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng; anh Trần Công T và chị Nguyễn Thị Vân A mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/005353, AA/2013/005354 ngày 02/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy. Anh T, chị A đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án

dân sự.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Chi cục THADS thị xã Hương Thủy;
- UBND xã H, huyện Q, tỉnh Q (Đăng ký kết hôn ngày 14/11/2011);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Thị Xuân Huế